TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS - ST
Ngày: 14/5/2024
"V/v Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Sỹ Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trang

2. Ông Nguyễn Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST - DS, ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

- **Bị đơn**: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Ông Phan Thanh H; Sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình S *như sau:*

Do thường xuyên thu mua nông sản lạc, lúa, gạo để bán cho các đại lý nên ông Nguyễn Đình S có bán cho bà Lê Thị T một số lạc vỏ cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/6/2023 bán cho bà Lê Thị T 240,9kg lạc vỏ với giá 28.000 đồng/01kg, thành tiền 67.393.000 đồng và cùng ngày ông S bán tiếp cho bà T 482kg

lạc vỏ, với 27.000 đồng/01kg, thành tiền 13.014.000 đồng. Tổng cả hai khoản thành tiền là 80.407.000 đồng. Bà T đã trả cho ông S 42.000.000 đồng. Còn nợ 38.400.000 đồng.

Lần 2: Ngày 06/6/2023, ông S bán cho bà Lê Thị T 3792,1kg lạc vỏ với giá 28.000 đồng/01kg, thành tiền là 106.170.000 đồng.

Tổng lần một và lần hai bà T còn nợ ông S là 144.570.000 đồng. Đến ngày 14/6/2023 bà T trả cho ông S 30.000.000 đồng. Bà T còn nợ ông S 114.570.000 đồng.

Lần 3: Ngày 14/6/2023, ông S thuê xe chở lên nhà cho bà Lê Thị T tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, số lượng 3260 kg lạc vỏ với giá 28.000 đồng/01kg, thành tiền là 91.280.000 đồng. Bà T chưa trả tiền cho ông S.

Tổng cả ba lần bà Lê Thị T còn nợ ông S là 205.850.000 đồng.

Ngày 03/7/2023, bà Lê Thị T trả cho ông S 15.000.000 đồng. Ngày 11/7/2023, bà Lê Thị T trả cho ông S 15.000.000 đồng. Ngày 24/7/2023 bà Lê Thị T trả tiếp cho ông S 30.000.000 đồng. Nay còn lại 145.850.000 đồng bà T chưa trả cho ông S. Ông S đã nhiều lần trực tiếp liên lạc với bà Thân yêu c bà T trả nốt số tiền còn lại cho ông S, tuy nhiên bà T cứ hứa lần này sang lần khác không chịu thanh toán cho ông S.

Nay ông S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn giải quyết buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông S số tiền 145.850.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/7/2023 là ngày cuối cùng bà T trả nợ cho ông S, cho đến ngày bà T trả hết số nợ 145.850.000 đồng, lãi suất theo Ngân hàng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Tòa án nhân dân: Buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông S số tiền 145.850.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/7/2023 là ngày cuối cùng bà T trả nợ cho ông S, cho đến ngày bà T trả hết số nợ 145.850.000 đồng, lãi suất theo Ngân hàng quy định.

Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị T*:*

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn bà Lê Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án; ngày 19/12/2023, Tòa án đã trực tiếp lấy lời khai của bị đơn bà Lê Thị T thì bà T thừa nhận việc mua bán và nhận hàng hóa là lạc với ông Nguyễn Đình S. Ông S đã giao đủ số lượng hàng hóa và hai bên có xác nhận nợ với nhau số tiền nợ bà T chưa trả cho ông S (ngày 24/7/2023) là 145.850.000 đồng. Bà T ghi "Mồng năm trả anh S" nhưng không ghi cụ thể tháng năm nào nên không xác định được thời hạn phải trả nợ. Bà T thừa nhận chữ ký và chữ viết trong sổ nhận nợ là bà Lê Thị T ký và viết. Trong sổ nhận nợ bà T ghi tên Phan Thân H1 là ghi cả tên chồng của bà T vào nữa nhưng thực tế Phan Thân H1 và Lê Thị T là một người do bà T viết. Lý do bà T ghi như vậy là ghi tên chồng của bà T vào chứ không nhằm mục đích gì khác. Việc mua bán lạc giữa bà T và ông S không liên quan đến chồng của bà T. Tuy nhiên, bà Lê Thị T không thừa nhận hiện nay còn nợ ông Nguyễn Đình S số tiền 145.850.000

đồng vì cho rằng giá cả chưa hợp lý, cần đối chiếu lại sổ sách mua bán giữa bà T và ông S và tính toán lại với nhau cho rõ ràng, vấn đề này để bà T và ông S sắp xếp với nhau nhưng đến nay hai bên vẫn chưa thỏa thuận, thống nhất được với nhau.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; vi phạm nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 351, 353, 357, 385, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình S, buộc bị đơn bà Lê Thị T phải trả cho ông Nguyễn Đình S số tiền 145.850.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2024) là 11.944.142 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp trong giao dịch dân sự, bị đơn bà Lê Thị T có địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Xác định tư cách đương sự:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được rằng: Ông Nguyễn Đình S là nguyên đơn, bà Lê Thị T là bị đơn, ông Phan Thanh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3]. *Về quan hệ pháp luật:* Ông Nguyễn Đình S và bà Lê Thị T là người buôn bán nông sản không có đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, cụ thể: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hành hóa" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4]. *Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện*: Đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5]. *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Trong vụ án này nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 24/7/2023, ngày 06/9/2023, nguyên đơn làm đơn khởi kiện là đảm bảo thời hiệu theo quy định của pháp luật.

[1.6]. *Về việc vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo Quyết định số 04 ngày 22/4/2024. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Xét giao dịch dân sự:* Căn cứ đơn khởi kiện, các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi lời khai của bị đơn và quá trình giải quyết vụ án, xác định được rằng: Trong năm 2023, giữa nguyên đơn ông Nguyễn Đình S và bị đơn bà Lê Thị T có thỏa thuận mua bán hàng hóa là lạc vỏ, ông Nguyễn Đình S là bên bán, bà Lê Thị T là bên mua, việc mua bán được thực hiện nhiều lần (đã giao nhận hàng hóa như thỏa thuận). Việc mua bán không làm hợp đồng mua bán với nhau mà thực hiện bằng lời nói và có xác nhận về số tiền nợ, số hàng bán. Đây là cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 và Khoản 1 Điều 431 Bộ luật dân sự là sự thật. Giao dịch này đã được cả hai bên thống nhất thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2]. *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

- Về số nợ chưa trả: Theo nguyên đơn, quá trình thực hiện giao dịch: Từ ngày 04/6/2023, việc mua bán và trả tiền giữa ông S và bà T như sau: Lần 1: Ngày 04/6/2023 bán cho bà Lê Thị T 240,9kg lạc vỏ với giá 28.000 đồng/01kg, thành tiền 67.393.000 đồng và cùng ngày ông S bán tiếp cho bà T 482kg lạc vỏ, với 27.000

đồng/01kg, thành tiền 13.014.000 đồng. Tổng cả hai khoản thành tiền là 80.407.000 đồng. Bà T đã trả cho ông S 42.000.000 đồng. Còn nợ 38.400.000 đồng.

Lần 2: Ngày 06/6/2023, ông S bán cho bà Lê Thị T 3792,1kg lạc vỏ với giá 28.000 đồng/01kg, thành tiền là 106.170.000 đồng.

Tổng lần một và lần hai bà T còn nợ ông S là 144.570.000 đồng. Đến ngày 14/6/2023 bà T trả cho ông S 30.000.000 đồng. Bà T còn nợ ông S 114.570.000 đồng.

Lần 3: Ngày 14/6/2023, ông S thuê xe chở lên nhà cho bà Lê Thị T tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, số lượng 3260 kg lạc vỏ với giá 28.000 đồng/01kg, thành tiền là 91.280.000 đồng. Bà T chưa trả tiền cho ông S.

Tổng cả ba lần bà Lê Thị T còn nợ ông S là 205.850.000 đồng.

Ngày 03/7/2023, bà Lê Thị T trả cho ông S 15.000.000 đồng. Ngày 11/7/2023, bà Lê Thị T trả cho ông S 15.000.000 đồng. Đến ngày 24/7/2023, bị đơn bà Lê Thị T có trả cho ông Nguyễn Đình S số tiền 30.000.000 đồng và hai bên đã chốt khoản nợ còn lại chưa trả là 145.850.000 đồng, từ đó đến nay bị đơn không thực hiện việc trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện. Còn phía bị đơn quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, tuy nhiên lời khai ngày 19/12/2023 bà Lê Thị T trình bày: Thừa nhận có mua bán và nhận hàng hóa là lạc vỏ với ông Nguyễn Đình S. Ông Nguyễn Đình S đã giao đủ số lượng hàng hóa hai bên có xác nhận nợ với nhau số tiền nợ chưa trả là 145.850.000 đồng, việc mua bán thực hiện bằng hợp đồng miệng, việc mua bán chỉ một mình ông S với bà T thực hiện ngoài ra không có ai tham gia. Tuy nhiên, bà T cho rằng giá cả chưa hợp lý, cần đối chiếu lại sổ sách mua bán giữa bà T và ông S nhưng xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, thông báo các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bà T không tham gia cho thấy bà T không có thiện chí giải quyết, vi phạm nghĩa vụ chứng minh của đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện H căn cứ hồ sơ vụ án để giải quyết.

Căn cứ giấy nhận nợ của bà T với ông S ngày 24/7/2023 là 145.850.000 đồng, bà T thừa nhận, vì vậy có căn cứ xác định bà T còn nợ ông S số tiền 145.850.000 đồng.

- Về lãi suất: Do khi thiết lập giao dịch, hai bên không thỏa thuận số lãi và lãi chậm trả, có xác nhận nợ nhưng chỉ ghi nhận nợ còn lại không đề cập đến lãi suất chậm thanh toán nên thời điểm tính lãi suất chậm thanh toán được lấy mốc từ ngày nhận nợ cuối cùng (ngày 24/7/2023). Nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất chậm trả là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng: Bị đơn cố tình không thanh toán khoản nợ còn lại nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với thời gian tính lãi là từ ngày 24/7/2023 đến thời điểm xét xử 14/5/2024, là 296 ngày tương đương 09 tháng 26 ngày (một tháng 30 ngày). Tiền lãi căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/01 năm tương đương với 0,83%/01 tháng.

Xét thấy: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2024 là thời điểm xác định phải thanh toán) thì lãi suất đối với số tiền chưa thanh toán là 145.850.000 đồng. Cho nên, số tiền lãi nguyên đơn được chấp nhận tương ứng với mốc thời gian trả nợ là: 145.850.000 đồng x 09 tháng 26 ngày (từ ngày 24/7/2023 đến 14/5/2024) x 0,83%/tháng = 11.944.142 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 157.794.142 đồng (tiền gốc 145.850.000 đồng; tiền lãi 11.944.142 đồng).

- Về trách nhiệm thanh toán: Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện và theo nguyên đơn cho rằng: Quá trình giao dịch từ việc thỏa thuận mua bán đến giao nhận hàng hóa, phía bị đơn hứa hẹn trả nợ nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ và không đến Tòa án tham gia tố tụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ chưa trả và lãi phát sinh. Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền chưa thanh toán là 145.850.000 đồng và lãi suất nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H: Quá trình giải quyết ông Phan Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án nên không có căn cứ để xem xét; mặt khác, ông S xác nhận chỉ thực hiện mua bán với bà T. Bà T thừa nhận chỉ bà thực hiện việc mua bán, ông H không biết, không tham gia nên không có trách nhiệm đối với khoản nợ này.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng giải quyết về số nợ mà bị đơn bà Lê Thị T phải thanh toán và án phí. Hội đồng xét xử thấy quan điểm của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 351, 353, 357, 385, 430, 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình S. Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng chưa thanh toán là 145.850.000 đồng và 11.944.142 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/5/2024). Tổng số tiền bà lê Thị T1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình S là 157.794.142 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn một trăm bốn hai đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 7.889.707 đồng (*Bảy triệu tám trăm tám mươi chin nghìn bảy trăm linh bảy)* đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyên đơn được nhận lại số tiền 3.500.000 đồng *(ba triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006484 ngày 05/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Đình S được quyền kháng cáo bản án. Đối với bà Lê Thị T và ông Phan Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh
- VKSND huyện Hương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Hương Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Sỹ Nam